TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **50**/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 13/6/2023
V/v "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Na

2. Bà Lê Thị Hoàng Diễm

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành *tham gia phiên toà:*

Bà Võ Thị Huỳnh Nhung – Kiểm sát viên.

Ngày *13* tháng *6* năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 83/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST -HN ngày 08 tháng 5 năm 2023 giữa:

* *Nguyên đơn:*

Chị Lê Thị Như A, sinh năm 1993. (có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)

Đăng ký thường trú: khu dân cư 8, thôn Ph, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ tạm trú: nhà trọ H, số 505, ấp C, xã T, huyện Ch, tỉnh Bến Tre.

* *Bị đơn*:

Anh Trần Ngọc T, sinh năm 1991. (Vắng mặt)

Đăng ký thường trú: khu dân cư 22, thôn Ph, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ tạm trú: nhà trọ H, số 505, ấp C, xã T, huyện Ch, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2022 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Thị Như A trình bày:

Chị và anh Trần Ngọc T chung sống với nhau năm 2013, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại ấp C, xã T, huyện Ch, tỉnh Bến Tre. Quá trình chung sống thời gian đầu có hạnh phúc, nhưng sau đó anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị A là do tính tình không phù hợp, anh T hay nhậu nhẹt, cờ bạc. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh T.

Về con chung: có 01 con chung tên Trần Phi H, sinh ngày 25/02/2015. Chị A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: không có.

Vụ kiện đã được Tòa án mở phiên hoà giải nhưng không hoà giải được do anh T không đến. Do đó Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: về tố tụng: không vi phạm tố tụng; về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị A có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, anh Trường được triệu tập hợp lệ vẫn vắng mặt không rõ lý do, Hội đồng xét xử vắng mặt chị Ái, anh Trường là phù hợp với Điều 227, 288 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Chị Lê Thị Như A và anh Trần Ngọc T chung sống với nhau năm 2013, trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu chung sống có hạnh phúc nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân theo chị A là do tính tình hai bên không phù hợp, anh T thường xuyên cờ bạc, nhậu nhẹt. Xét thấy, hôn nhân giữa chị A và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị A yêu cầu ly hôn với anh T là có căn cứ, phù hợp với Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: có 01 con chung tên Trần Phi H, sinh ngày 25/02/2015. Chị A yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu H có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Nên giao con cho chị A tiếp tục nuôi dưỡng mới đảm bảo sự phát triển bình thường của trẻ và phù hợp với nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con: ghi nhận việc chị A không yêu cầu anh Trường cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: chị A khai không có nên không xét đến.

[2.4] Quan điểm của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[3] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Như A phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Lê Thị Như A đối với anh Trần Ngọc T.

Chị Lê Thị Như A được ly hôn với anh Trần Ngọc T. Quan hệ hôn nhân của chị Ái, anh Trường chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: có 01 con chung tên Trần Phi H, sinh ngày 25/02/2015. Giao con Trần Phi H cho chị Lê Thị Như A nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị A không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Anh T được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị A khai không có, nên không xét đến.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Chị Lê Thị Như A phải chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0010861 ngày 16/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Chị A đã nộp đủ án phí.

Chị A, anh T vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA huyện Châu Thành;
- UBND xã Đ, M, Quảng Ngãi (Số 61/2013/ĐKKH)
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu